TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng.

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 107/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tháp G, sinh năm: 1992. (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1999. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tháp G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH M trình bày: Ngày 23/10/2024, Công ty TNHH M có mua của bà Lê Thị N một chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, đen, biển số 63B8-303.81, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lê Thị N với giá tiền 17.000.000 đồng. Khi mua bán, hai bên có lập hợp đồng mua bán xe đề ngày 23/10/2024, Công ty đã thanh toán đủ tiền cho bà Lê Thị N. Vì Công ty TNHH M vừa mua bán xe và cho thuê xe nên ai có nhu cầu thuê xe thì Công ty TNHH M sẽ cho thuê xe lại. Do bà Lê Thị N muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống nên cùng ngày 23/10/2024, Công ty TNHH M và bà Lê Thị N đã lập hợp đồng thuê xe, trong đó có nội dung như sau: Thời gian thuê là 03 tháng kể từ ngày 23/10/2024 đến ngày 23/01/2025, phí dịch vụ thuê xe là 1.360.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Bà Lê Thị N chỉ thanh toán tiền thuê xe cho Công ty TNHH M từ ngày 23/10/2024 đến ngày 23/12/2024 thì ngưng cho đến nay. Nhận thấy thời gian thuê xe đã quá hạn theo thỏa thuận nhưng bà Lê Thị N không chịu trả lại xe và tiền thuê xe cho Công ty TNHH M.

Do đó, nay Công ty TNHH M yêu cầu buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M số tiền mua xe là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe 1.360.000 đồng/tháng tính từ ngày 23/12/2024 đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002208 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

- Ngày 25/11/2024, Công ty TNHH M mua của bà Lê Thị N một chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu đen, xám, biển số 63B8-351.67, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lê Thị N với giá tiền 17.000.000 đồng. Khi mua bán, hai bên có lập hợp đồng mua bán xe đề ngày 25/11/2024, Công ty đã giao đủ tiền cho bà Lê Thị N. Do bà Lê Thị N muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống nên cùng ngày 25/11/2024, Công ty TNHH M và bà Lê Thị N đã lập hợp đồng thuê xe, trong đó có nội dung như sau: Thời gian thuê là 03 tháng kể từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/02/2025, phí dịch vụ thuê xe là 1.360.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Bà Lê Thị N đã thanh toán tiền thuê xe từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/12/2024 thì ngưng cho đến nay.

Do đó, nay Công ty TNHH M yêu cầu buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M số tiền mua xe là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe 1.360.000 đồng/tháng tính từ ngày 25/12/2024 đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002210 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

- Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng thuê tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Nguyễn Thị Tháp G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH M có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tháp G và bà Lê Thị N.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M số tiền mua xe (xe mô tô biển số 63B8-303.81) là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe 1.360.000 đồng/tháng tính từ ngày 23/12/2024 đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 23/10/2024, Công ty TNHH M có lập hợp đồng mua bán có nội dung Công ty TNHH M mua của bà Lê Thị N một chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, đen, biển số 63B8-303.81 với giá tiền 17.000.000 đồng, Công ty TNHH M đã trả tiền mua xe cho bà Lê Thị N. Cùng ngày, Công ty TNHH M cho bà Lê Thị N thuê lại xe trên trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày 23/10/2024 đến ngày 23/01/2025, giá thuê xe là 1.360.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Bà Lê Thị N chỉ thanh toán tiền thuê xe cho Công ty TNHH M từ ngày 23/10/2024 đến ngày 23/12/2024 thì ngưng cho đến nay. Đến nay, khi đã hết thời hạn thuê nhưng bà Lê Thị N không trả lại xe và tiền thuê nên việc Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N phải trả lại cho Công ty TNHH M giá trị xe là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe tính từ ngày 23/12/2024 đến ngày 30/6/2025 là 06 tháng 07 ngày với số tiền: 1.360.000 đồng/tháng x 06 tháng 07 ngày

= 8.477.333 đồng, tổng cộng là 25.477.333 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 472, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đồng thời, ghi nhận Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002208 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M số tiền mua xe (xe mô tô biển số 63B8-351.67 *) là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe 1.360.000 đồng/tháng tính từ ngày 25/12/2024 đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ngày 25/11/2024, Công ty TNHH M có lập hợp đồng mua bán có nội dung Công ty TNHH M mua của bà Lê Thị N một chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu đen, xám, biển số 63B8-351.67 với giá tiền 17.000.000 đồng, Công ty TNHH M đã trả tiền mua xe cho bà Lê Thị N. Cùng ngày, Công ty TNHH M cho bà Lê Thị N thuê lại xe trên trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/02/2025, giá thuê xe là 1.360.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe 30 ngày 01 lần. Bà Lê Thị N chỉ thanh toán tiền thuê xe cho Công ty TNHH M từ ngày 25/11/2024 đến ngày 25/12/2024 thì ngưng cho đến nay. Đến nay, khi đã hết thời hạn thuê nhưng bà Lê Thị N không trả lại xe và tiền thuê nên việc Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N phải trả lại cho Công ty TNHH M giá trị xe là 17.000.000 đồng và số tiền thuê xe tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày 30/6/2025 là 06 tháng 05 ngày với số tiền: 1.360.000 đồng/tháng x 06 tháng 05 ngày = 8.386.666 đồng, tổng cộng là 25.386.666 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 472, Điều 481 và Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đồng thời, ghi nhận Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002210 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015; khoản 2 Điều 357, Điều 472, Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

- Buộc bà Lê Thị N phải trả cho Công ty TNHH M số tiền thuê xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, đen, biển số 63B8-303.81 là 8.477.333 đồng và giá trị chiếc xe trên là 17.000.000 đồng. Tổng cộng là 25.477.333 đồng.

Ghi nhận Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002208 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

- Buộc bà Lê Thị N phải trả cho Công ty TNHH M số tiền thuê xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu đen, xám, biển số 63B8-351.67 là 8.386.666 đồng và giá trị chiếc xe trên là 17.000.000 đồng. Tổng cộng là 25.386.666 đồng.

Ghi nhận Công ty TNHH M trả lại cho bà Lê Thị N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 63 002210 do Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/10/2024 cho bà Lê Thị N đứng tên khi bà Lê Thị N trả xong tiền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

+ Bà Lê Thị N phải chịu 2.543.199 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho Công ty TNHH M 527.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003948 ngày 28/3/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy

.